



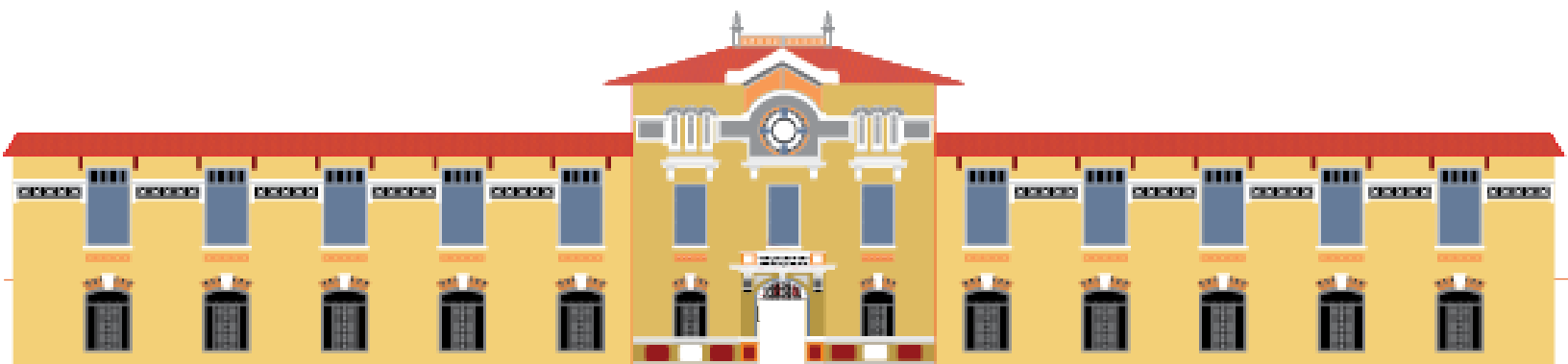
MỘT SỐ LƯU Ý ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2023-2024

PHẦN 1: PHÂN TÍCH ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP 2024 VÀ PHỔ ĐIỂM CÁC KHỐI ĐH

PHẦN 2: LƯU Ý ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐH, CĐ NĂM 2024

PHẦN 3: MỘT SỐ THÔNG TIN THÍ SINH CẦN LƯU Ý THÊM

(tài liệu tham khảo)



PHẦN 1: PHÂN TÍCH ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP 2024 VÀ PHỔ ĐIỂM CÁC KHỐI ĐH

Điểm có số thí sinh đạt nhiều nhất so với các năm trước

Năm	Toán	Lý	Hoá	Sinh	Văn	Anh	Sử	Địa	A	B	A1	D1	C
2024	7,6	8,0	7,75	6,5	8,0	4,6	6,75	7,25	22	21,5	21,5	20	21,5
2023	7,6	7,5	7,5	6,5	7,0	4,2	5,75	6,25	21	22	21	20	19
2022	7,8	7,25	8,0	4,5	7,0	3,8	7,0	7,0	23	21	21	19	20
2021	7,8	7,5	7,75	5,25	7,0	4,0	4,0	7,0	23	22	22	19	19
2020	7,8	7,75	7,75	5,25	7,0	3,4	4,5	7,25	23	22	21	19	19

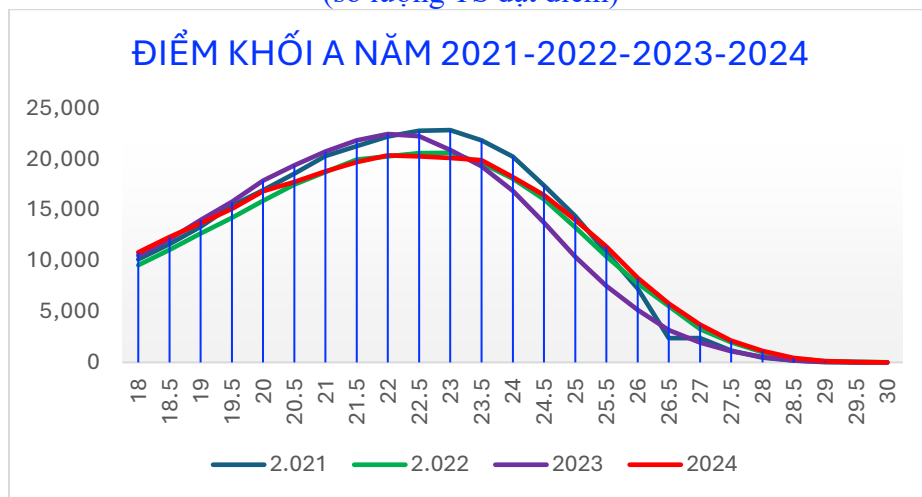
Nhận xét: Điểm Văn, Sử, Địa tăng đột biến + số thí sinh thi KHXH tăng+chỉ tiêu ít biến động $\Rightarrow$ điểm chuẩn khối C tăng mạnh. Khối D, A, A1, B tăng nhẹ.

KHỐI A

Điểm	2.021	2.022	2023	2024
18	10.114	9.569	10.515	10830
18,5	11.633	11.066	12.117	12342
19	13.323	12.666	14.001	13672
19,5	15.404	14.213	15.791	15092
20	16.916	15.888	17.854	16828
20,5	18.573	17.500	19.363	17733
21	20.280	18.716	20.735	18785
21,5	21.263	19.939	21.841	19691
22	22.216	20.266	22.453	20351
22,5	22.787	20.583	22.242	20260
23	22.839	20.605	20.896	20092
23,5	21.840	19.605	19.293	19877

24	20.227	18.062	16.858	18225
24,5	17.396	16.044	13.741	16454
25	14.389	13.259	10.383	13998
25,5	10.806	10.422	7.513	11397
26	7.254	7.782	5.158	8298
26,5	2.388	5.528	3.177	5778
27	2.388	3.280	1.949	3723
27,5	1.154	1.988	1.090	2128
28	454	989	520	1133
28,5	181	386	184	438
29	35	137	67	124
29,5	11	47	22	20
30	1	11	0	2

(số lượng TS đạt điểm)



NHẬN XÉT

Phổ điểm khối A khá giống năm 2022, nhưng cao hơn 1 chút. Nên tham khảo điểm chuẩn năm 2022.

Các trường nhóm 2,3,4 gần như không đổi so với năm 2022.

Các ngành ĐH ngoại thương, CTTT có thể tăng nhẹ hoặc giữ nguyên so với năm 2022.

Đa số ngành sư phạm điểm chuẩn tăng cao do giảm mạnh chỉ tiêu.

Tuy nhiên các ngành tuyển khối A thường có tuyển khối A1.

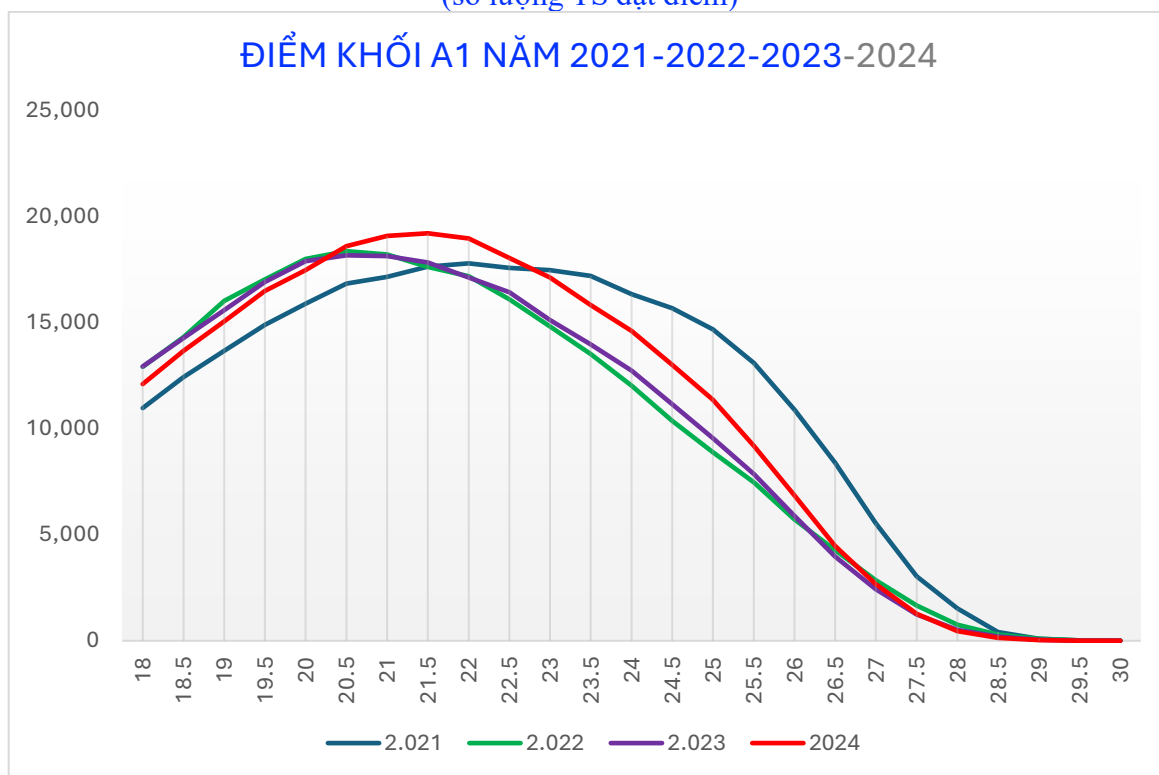


KHỐI A1

Điểm	2021	2022	2023	2024
18	10.973	12.924	12.942	12101
18,5	12.447	14.326	14.277	13676
19	13.673	16.032	15.588	15059
19,5	14.906	17.043	16.916	16507
20	15.890	18.009	17.910	17484
20,5	16.842	18.376	18.181	18615
21	17.166	18.224	18.143	19090
21,5	17.647	17.636	17.849	19220
22	17.802	17.192	17.139	18975
22,5	17.585	16.107	16.439	18048
23	17.476	14.832	15.129	17128
23,5	17.205	13.524	13.977	15836

24	16.356	12.037	12.739	14615
24,5	15.688	10.375	11.155	13016
25	14.689	8.887	9.551	11364
25,5	13.108	7.472	7.861	9188
26	10.899	5.722	5.883	6848
26,5	8.393	4.279	3.968	4473
27	5.545	2.859	2.425	2671
27,5	3.036	1.663	1.237	1272
28	1.525	751	509	455
28,5	414	290	203	143
29	89	96	47	26
29,5	19	15	4	6
30	1	3	1	1

(số lượng TS đạt điểm)


NHẬN XÉT

- Điểm khối A1 tăng nhẹ.
- Trường **nhóm 1** điểm chuẩn có thể **tương đương năm 2022**; trường nhóm 2, 3 tăng so với năm 2022, 2023
- Các ngành ĐH ngoại thương, CTTT có thể tăng nhẹ so với 2022.

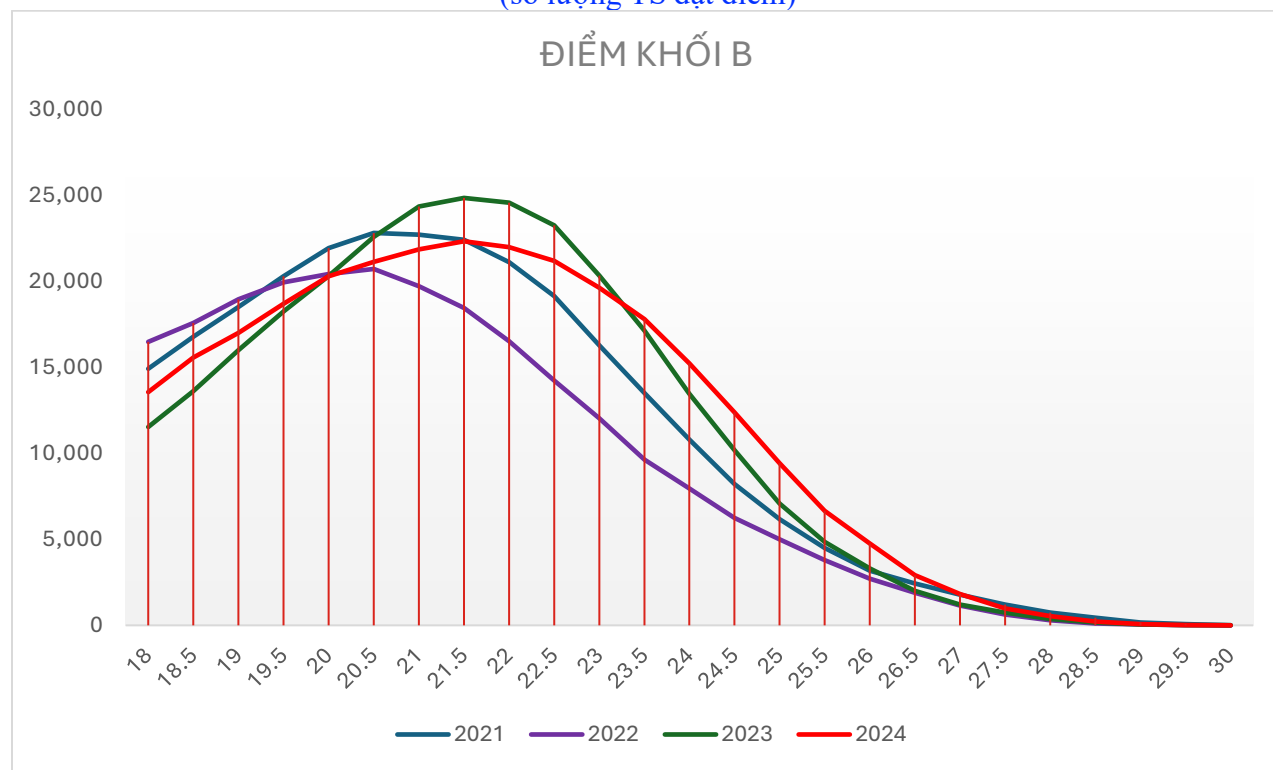


KHỐI B

Điểm	2021	2022	2023	2024
18	14.928	16.481	11.530	13573
18,5	16.792	17.592	13.616	15580
19	18.514	18.963	16.014	17006
19,5	20.304	19.954	18.257	18698
20	21.947	20.437	20.321	20306
20,5	22.826	20.731	22.594	21148
21	22.719	19.724	24.373	21869
21,5	22.426	18.461	24.864	22341
22	21.124	16.518	24.593	21998
22,5	19.146	14.233	23.263	21203
23	16.288	12.044	20.352	19640
23,5	13.512	9.640	17.150	17814

24	10.818	7.965	13.470	15249
24,5	8.229	6.243	10.193	12392
25	6.175	5.010	7.088	9430
25,5	4.506	3.796	4.855	6665
26	3.182	2.719	3.302	4754
26,5	2.440	1.898	2.017	2922
27	1.783	1.149	1.215	1823
27,5	1.212	627	739	979
28	746	287	366	532
28,5	444	111	164	222
29	169	56	62	75
29,5	66	11	15	13
30	7	0	8	1

(số lượng TS đạt điểm)



NHẬN XÉT

Điểm Hoá có số thí sinh tăng cao hơn 2023, Toán và Sinh ổn định nên điểm chuẩn khối B tăng nhẹ. Điểm chuẩn tăng nhẹ so với năm 2023 (hoặc trung bình cộng 3 năm 2021, 2022, 2023)

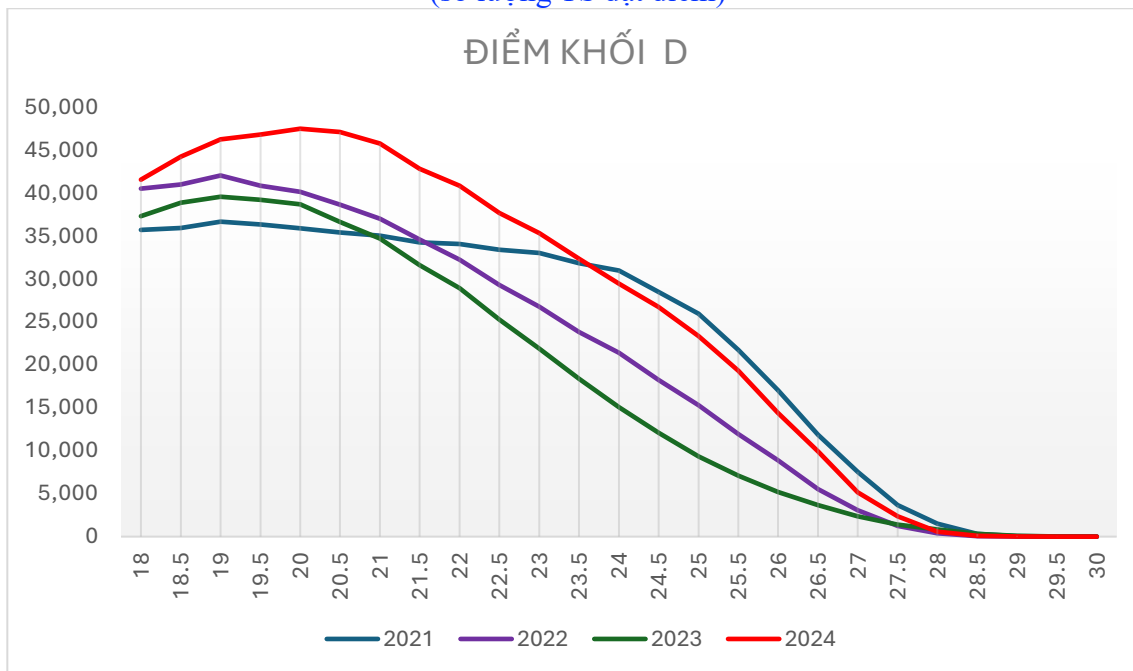


KHỐI D

Điểm	2021	2022	2023	2024
18	35.695	40.517	37.313	41547
18,5	35.947	41.011	38.869	44240
19	36.669	42.045	39.569	46263
19,5	36.350	40.856	39.211	46794
20	35.906	40.132	38.700	47491
20,5	35.414	38.633	36.647	47116
21	35.033	37.020	34.691	45775
21,5	34.265	34.576	31.617	42828
22	34.065	32.257	28.945	40865
22,5	33.386	29.294	25.276	37694
23	33.011	26.781	21.888	35322
23,5	31.820	23.830	18.400	32344

24	30.961	21.388	15.059	29467
24,5	28.490	18.248	12.071	26742
25	25.962	15.305	9.315	23322
25,5	21.731	11.926	7.090	19302
26	17.052	8.871	5.197	14397
26,5	11.866	5.524	3.669	9910
27	7.525	3.085	2.372	5154
27,5	3.681	1.261	1.402	2352
28	1.503	392	822	571
28,5	302	72	309	109
29	37	6	76	13
29,5	3	0	7	0
30	0	0	0	0

(số lượng TS đạt điểm)



NHẬN XÉT

Điểm văn tăng cao, điểm toán hơi giảm, điểm Anh ổn định nên tổng điểm khối D tăng

Trường nhóm 1 điểm chuẩn có thể **tương tự năm 2021**; trường nhóm 2, 3 điểm chuẩn cao hơn năm 2022 một chút (hoặc lấy trung bình cộng của 2 năm 2022 và 2021)

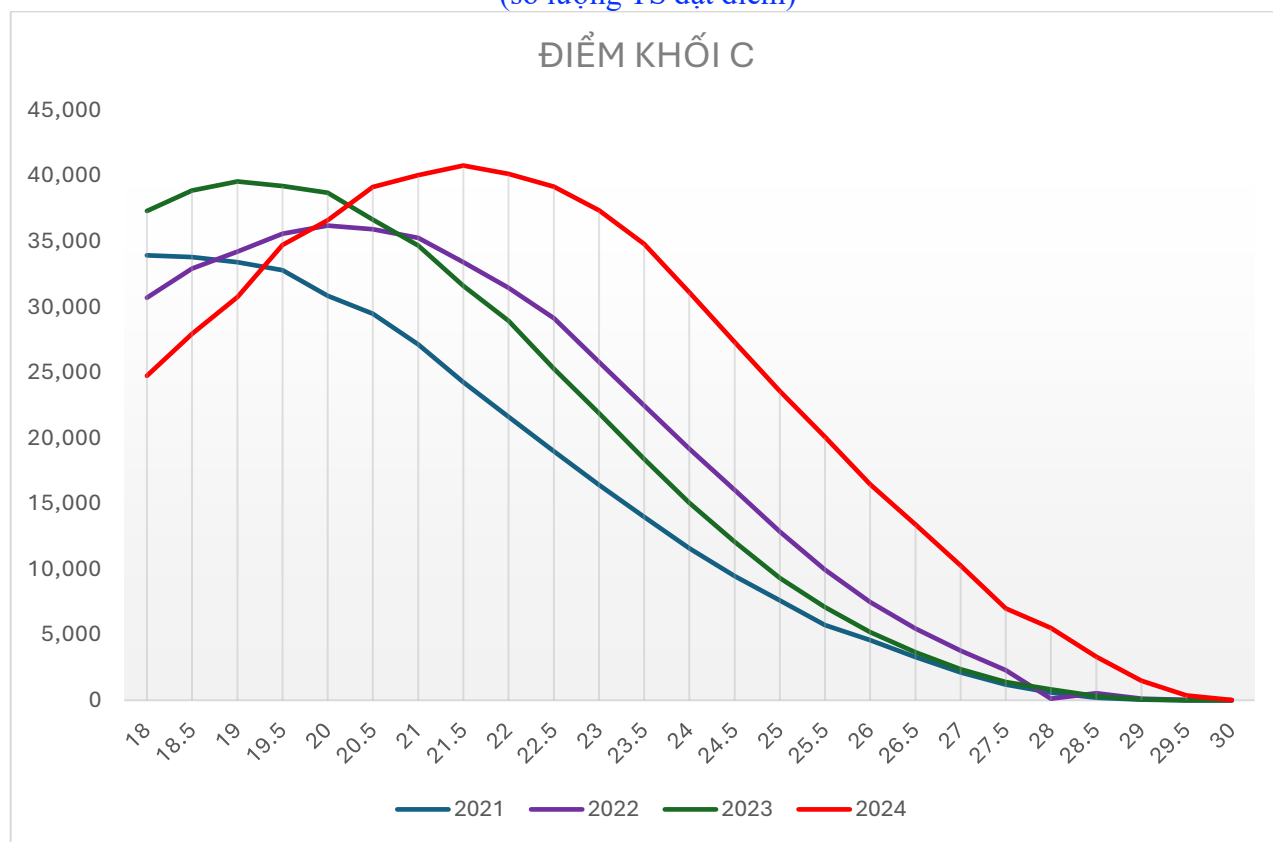


KHỐI C

Điểm	2021	2022	2023	2024
18	33.935	30.712	37.313	24755
18,5	33.792	32.933	38.869	27942
19	33.408	34.209	39.569	30758
19,5	32.813	35.595	39.211	34737
20	30.846	36.202	38.700	36601
20,5	29.477	35.931	36.647	39147
21	27.149	35.263	34.691	40052
21,5	24.271	33.405	31.617	40783
22	21.614	31.471	28.945	40155
22,5	18.988	29.149	25.276	39173
23	16.428	25.790	21.888	37373
23,5	13.980	22.481	18.400	34804

24	11.595	19.184	15.059	31115
24,5	9.469	16.030	12.071	27311
25	7.612	12.858	9.315	23578
25,5	5.724	9.959	7.090	20089
26	4.592	7.497	5.197	16463
26,5	3.282	5.454	3.669	13388
27	2.112	3.773	2.372	10266
27,5	1.204	2.303	1.402	7013
28	584	126	822	5515
28,5	188	530	309	3308
29	37	125	76	1484
29,5	2	12	7	361
30	0	1	0	19

(số lượng TS đạt điểm)



NHẬN XÉT:

Lần đầu tiên cả 3 môn Văn, Sử, Địa đều tăng mạnh, tổng số thí sinh chọn khối C tăng, chỉ tiêu các trường khá ổn định. Do đó điểm chuẩn khối C tăng mạnh, tuy nhiên thí sinh khối C vẫn có lợi thế cao so với khối A1 và A1.



PHẦN 2: LƯU Ý ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐH, CĐ NĂM 2024

Hiện nay, việc **chọn đúng ngành nghề** và **đăng ký nguyện vọng xét tuyển hợp lý** là 2 việc quan trọng hơn rất nhiều so với việc **phân tích điểm thi và dự báo điểm chuẩn**, vì vậy các em cần thực hiện nghiêm túc, đúng hướng dẫn của cơ sở đào tạo (CSĐT) và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các em có thể tham khảo một số lưu ý sau đây:

1. XÁC ĐỊNH RÕ NĂNG LỰC, SỞ THÍCH CỦA BẢN THÂN, NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN HỌC

- Kiểm tra lại sở thích, điểm mạnh của bản thân, yêu cầu của nghề nghiệp.
- Nên chọn ngành trước, chọn trường sau vì ngành học cần được chọn dựa trên sự đam mê, yêu thích cùng năng lực, sở trường của mình, bởi các em sẽ theo đuổi nghề đó trong suốt giai đoạn rất dài sắp tới. Nếu lựa chọn sai ngành, việc chúng ta thi lại, học lại và chuyển đổi sẽ mất rất nhiều thời gian cũng như những nguồn lực khác. Chính vì thế, ngành học phải được xác định trước. Các em không nên chỉ vì thích một trường mà lựa chọn tất cả ngành học trong trường đó, để nhất định đỗ được trường đó.
- Xem xét điểm tất cả các tổ hợp từ điểm thi tốt nghiệp của mình.
- Tìm hiểu nhu cầu nhân lực trong tương lai của ngành mình muốn học.
- Xem lại trường/ngành **đã trúng tuyển sớm** đã phù hợp với bản thân chưa để quyết định đặt thứ tự nguyện vọng hợp lý hơn.

2. TÌM HIỂU KỸ THÔNG TIN TUYỂN SINH CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO (CSĐT)

- Học sinh xem thật kỹ đề án tuyển sinh của CSĐT
 - Trên website trường (các trường có thể có cập nhật một số thay đổi so với ban đầu)
 - <https://thongtintuyensinh.vn/>
 - <https://diemthi.vnexpress.net/tra-cuu-dai-hoc>.
- Ghi lại các phần quan trọng như:
 - **Mã trường**, tên trường; **mã tuyển sinh** (ngành/nhóm ngành), tên tuyển sinh; **mã phương thức xét tuyển** phải **theo BGD&ĐT**.
 - Điều kiện sơ tuyển, **điều kiện xét tuyển**: chú ý **điểm sàn** (điểm tối thiểu được nộp đơn, thường khá thấp so với điểm chuẩn của các trường top trên) và **tiêu chí phụ** (Thường dùng để xét các thí sinh cuối có cùng điểm). Chỉ tiêu tuyển sinh (lưu ý % cho mỗi phương thức).
 - **Học phí** trong quá trình đào tạo (cả khóa học, từng năm học, loại hình đào tạo, chính sách hỗ trợ tài chính, ... lưu ý một số trường chuyển sang tự chủ tài chính thì **học phí tăng mạnh**).
 - **Chương trình đào tạo** của các trường và **địa điểm học** trong các năm.
 - Thời gian dự tuyển, hồ sơ, quy trình.
- Xem điểm chuẩn các năm gần đây (lưu ý năm có phổ điểm gần giống với năm 2024) và sắp xếp các trường/ngành thành **3 nhóm**:
 - Nhóm 1: Các trường/ngành có điểm chuẩn **cao** (điểm chuẩn trên 25 điểm)
 - Nhóm 2: Các trường/ngành có điểm chuẩn **vừa** (điểm chuẩn khoảng 22 đến 25 điểm)
 - Nhóm 3: Các trường/ngành có điểm chuẩn **thấp** (điểm chuẩn dưới 22 điểm)
- Lưu ý thêm:
 - **Cần nhắc thêm các ngành học ở bậc cao đẳng.**
 - Một số ngành trường lớn như KHTN, BK, ... nhưng ít TS chọn học nhưng nhu cầu tuyển dụng cao.
 - Các mã phải ghi và kiểm tra thật chính xác. (Vì hệ thống làm việc với các mã này)
 - Điểm của mình gần với nhóm nào thì nên đặt nhiều nguyện vọng hơn.
 - Điểm khối C năm nay tăng rất cao nên vừa có lợi cho các bạn cạnh tranh với khối khác cùng xét vào 1 ngành, tuy nhiên cũng làm điểm chuẩn tăng mạnh.



3. ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN TRÊN HỆ THỐNG

Thí sinh phải đăng ký tất cả các nguyện vọng xét tuyển, **gồm cả các nguyện vọng đã trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển sớm** vào các trường đại học (xét học bạ THPT, xét điểm thi đánh giá năng lực, ưu tiên xét tuyển...) lên hệ thống tuyển sinh chung và xếp theo thứ tự ưu tiên từ 1 đến hết, trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất. Nguyện vọng nào muốn học nhất thì đưa lên trên. Phải thực hiện đầy đủ các bước đăng ký nguyện vọng xét tuyển và không bỏ qua bất kỳ bước nào hoặc dừng lại khi chưa thực hiện xong bước cuối cùng.



Bước 1: Đăng nhập

Thí sinh truy cập vào website: <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>

Đăng nhập bằng CMND/CCCD/Mã định danh và mã đăng nhập (mật khẩu).

Bước 2: Đăng ký nguyện vọng

- Chọn "**Đăng ký thông tin xét tuyển sinh**" ở góc trái màn hình để bắt đầu thực hiện đăng ký.
- Khai thông tin tại các mục từ 1 - 4. Sau khi hoàn tất việc nhập các thông tin, thí sinh chọn ô "**Lưu thông tin đăng ký xét tuyển sinh**".
- **Đăng ký các nguyện vọng xét tuyển theo như tìm hiểu ở trên:**
 - + Chọn "Thêm nguyện vọng".
 - + Nhập các thông tin gồm: thứ tự nguyện vọng, mã trường, mã ngành, phương thức xét tuyển, tổ hợp môn vào cửa sổ thêm mới. (*Coi chừng lộn mã ngành ở các trường có nhiều chi nhánh ở tỉnh*).
 - + **Xác thực qua mã OTP:** Sau khi nhập đầy đủ thông tin, thí sinh bấm nút "**Chọn**" để **lưu thông tin**. Hệ thống hiện yêu cầu thí sinh xác nhận đăng ký bằng cách gửi tin nhắn theo cú pháp TSO gửi 6058. Mã xác thực OTP sẽ được gửi về số điện thoại của thí sinh. Thí sinh nhập mã xác thực vào ô "Nhập mã xác thực" và bấm "Xác nhận đăng ký" để hoàn thành quá trình đăng ký.
- Thí sinh cũng có thể **sắp xếp lại thứ tự nguyện vọng hoặc xóa, sửa, thêm mới nguyện vọng**.

Bước 3: Kiểm tra thông tin đăng ký xét tuyển

Sau khi thí sinh đã đăng ký/ điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển thành công, thoát khỏi chức năng đăng ký nguyện vọng xét tuyển và hệ thống. Sau đó thí sinh đăng nhập lại hệ thống.

Vào trang thông tin nguyện vọng, thí sinh in danh sách nguyện vọng sau khi điều chỉnh và lưu lại.

Bước 4: Thanh toán lệ phí.

HS cần chú ý:

- 1) Thanh toán đúng chi nhánh theo hướng dẫn và đúng trong khoảng thời gian quy định.
- 2) Chuyển khoản 1 lần duy nhất, đúng số lệ phí. Không chuyển dư/thiếu, không chuyển nhiều lần.
- 3) Lệ phí trên hệ thống của Bộ khác với những lệ phí đăng ký xét tuyển sớm của các trường.



PHẦN 3: MỘT SỐ THÔNG TIN THÍ SINH CẦN LƯU Ý THÊM**1. Một số điểm mới trong tuyển sinh năm 2024 có điểm gì mới**

- Trước đây, thí sinh phải chọn phương thức hay tổ hợp có điểm cao nhất. Năm nay, HS không phải đăng ký phương thức và tổ hợp môn xét tuyển. Chỉ cần đăng ký thứ tự nguyện vọng, mã trường, tên trường, mã nhóm ngành, chứ không còn đăng ký mã phương thức và mã tổ hợp. Phần mềm sẽ tự chọn tổ hợp tốt nhất cho thí sinh nếu trường có tổ hợp đó.
- Nhiều trường tăng chỉ tiêu xét tuyển bằng phương án riêng: Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM (30 - 35% chỉ tiêu); ĐHSPT HCM....
- Các trường khối kinh tế mở nhiều ngành mới kinh tế gắn liền với công nghệ.
- Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch không còn xét riêng điểm chuẩn cho thí sinh TP HCM.
- Các ngành sư phạm điểm chuẩn rất cao do chỉ tiêu được giao rất ít.
- Rất nhiều trường mở ngành mới, các ngành mới mở do nhu cầu nhân lực, các em nên tìm hiểu để đăng ký

TRƯỜNG	NGÀNH MỚI
Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM	Khoa học dữ liệu, marketing, kinh doanh quốc tế, logistics và quản lý chuỗi cung ứng, công nghệ tài chính.
Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM	Thiết kế vi mạch
Trường ĐH Bách khoa TP.HCM	Thiết kế vi mạch, Công nghệ hóa dược, Công nghệ mỹ phẩm, Kinh tế xây dựng, Địa kỹ thuật xây dựng, Khoa học dữ liệu.
Trường ĐH Khoa học tự nhiên	Thiết kế vi mạch và công nghệ bán dẫn Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường, Công nghệ vật lý điện tử và tin học.
Trường ĐH Công nghệ thông tin	Ngành Trí tuệ nhân tạo
Trường Đại học sức khỏe (ĐH QG TP HCM)	Y học cổ truyền và ngành Điều dưỡng
ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh (UEH)	ArtTech (Công nghệ nghệ thuật) và Điều khiển thông minh và tự động hóa. Công nghệ tài chính, Công nghệ Marketing, Kinh doanh số, Kỹ sư Robot và Trí tuệ nhân tạo, Kỹ sư Công nghệ Logistic
Trường ĐH KHXH&NV	Kinh tế thương mại Hàn Quốc, Nghệ thuật học và Quốc tế học
Trường ĐH Công Thương TP Hồ Chí Minh	Ngành Logistics và chuỗi cung ứng
Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TPHCM	Khoa học dữ liệu, Công nghệ tài chính, Luật, Thương mại điện tử
Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TPHCM (UEF)	Digital Marketing (tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, C00) và kỹ thuật phần mềm.
Trường ĐH Mở TP.HCM	Trí tuệ nhân tạo – AI, Bảo hiểm và Công nghệ tài chính – Fintech (chương trình chuẩn) cùng Kiểm toán (Chương trình Chất lượng cao)
Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh	Công nghệ ô tô điện
Trường Đại học Hoa Sen	ngành kinh tế thể thao, lập trình thiết kế và kinh doanh game
Trường ĐH Việt Đức	Kỹ thuật giao thông thông minh; và kỹ thuật quy trình và môi trường; cùng 2 phân ngành: kỹ thuật vi điện tử (nằm trong ngành kỹ thuật điện và máy tính) và thiết kế chip (thuộc ngành khoa học máy tính)



2. Một số lý khác

* Thí sinh dân tộc Hoa thuộc nhóm ưu tiên 2, đối tượng 06, sẽ được cộng **tối đa 1 điểm**, số điểm ưu tiên giảm dần khi số điểm thi của thí sinh tăng dần:

Điểm	≤ 22.5	23	23,5	24	24,5	25	25,5	26	26,5	27	27,5	28	28,5	29	29,5	30
UT2	1	0,93	0,87	0,8	0,73	0,67	0,6	0,52	0,47	0,4	0,33	0,27	0,2	0,13	0,07	0

* Các trường hợp bị trượt:

- Trúng tuyển sớm nhưng không đăng ký lên hệ thống của Bộ giáo dục và Đào tạo.
- Đủ điểm chuẩn nhưng các tiêu chí phụ không đạt.
- Không làm đến bước cuối cùng (VD: xác nhận qua mã OTP; thay đổi nhưng không lưu,...)
- Không để ý thời gian đóng lệ phí xét tuyển nên trễ hạn đóng lệ phí.
- Đóng lệ phí xét tuyển sớm bên trường Đại học nhưng chưa đóng lệ phí trên hệ thống của Bộ giáo dục và Đào tạo.

